

Phụ lục V**NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ RỦI RO VỀ AN TOÀN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)**1. Mục đích**

- a) Nhận diện các mối nguy hiểm;
- b) Đánh giá rủi ro trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

2. Phạm vi công việc: Đánh giá rủi ro và đề xuất các biện pháp để loại trừ, giảm thiểu rủi ro.

3. Tài liệu liên quan**4. Từ viết tắt thông dụng, các thuật ngữ****5. Xác định mối nguy**

Xác định tất cả các loại nguy hiểm (yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại), nguồn gốc và nguyên nhân gây ra các nguy hiểm đó cũng như hậu quả có thể xảy ra của nó đối với con người tại tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp cũng như những người không thuộc tổ chức nhưng hiện diện trong khu vực nghiên cứu, sản xuất, bảo quản, sử dụng, tiêu hủy.

Các nội dung cần phải xem xét đến khi xác định mối nguy gồm:

- a) Các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên;
- b) Các hoạt động của những người có khả năng tiếp cận đến khu vực nghiên cứu, sản xuất, bảo quản, sử dụng, tiêu hủy;
- c) Các hành vi, khả năng và các nhân tố liên quan đến con người khác;
- d) Xác định các mối nguy bắt nguồn từ bên ngoài nơi làm việc mà có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, an toàn của những người chịu ảnh hưởng kiểm soát của tổ chức trong phạm vi nơi làm việc;
- đ) Các mối nguy do hoạt động dưới sự kiểm soát của tổ chức tạo ra trong vùng lân cận của nơi làm việc;
- e) Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và vật liệu tại nơi làm việc do tổ chức hay người khác cung cấp;
- g) Các thay đổi hay đề xuất thay đổi trong tổ chức, đối với các hoạt động, hay vật tư;
- h) Các điều chỉnh đối với hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường bao gồm các thay đổi mang tính tạm thời và ảnh hưởng của chúng đối với việc điều hành, các quá trình và các hoạt động;

k) Việc thiết kế khu vực làm việc, các quá trình, việc lắp đặt, máy, thiết bị, các thủ tục điều hành và tổ chức công việc, bao gồm việc thích ứng với khả năng của con người.

6. Đánh giá rủi ro

a) Xác định các giải pháp kiểm soát các mối nguy hiểm có sẵn

- Các giải pháp phải là giải pháp đã được thực hiện trong thực tế, đã được ban hành trong nội quy, quy trình, quy định về an toàn, phiếu công tác..., không phải là giải pháp mà người đánh giá đặt ra trong quá trình đánh giá.

- Yêu cầu các giải pháp kiểm soát mối nguy hiểm có sẵn phải được liệt kê: Ngắn gọn, chính xác, đầy đủ và càng cụ thể càng tốt. Cũng cần xem xét hiệu quả của các giải pháp có sẵn trong thực tế.

b) Đánh giá hậu quả của các mối nguy hiểm đã được xác định

Hậu quả là mức độ của chấn thương hoặc thiệt hại gây ra bởi tai nạn/sự cố, ốm đau từ mối nguy hiểm tại nơi làm việc. Hậu quả có thể được chia làm nhiều loại khác nhau dựa trên mức độ sự cố, thương tật. Ví dụ:

Hậu quả	Mô tả
Nhẹ	<i>Không chấn thương, chấn thương hoặc ốm đau chỉ yêu cầu sơ cứu (bao gồm các vết đứt và trầy xước nhỏ, sưng tấy, ốm đau với lo lắng tạm thời)</i>
Trung bình	<i>Chấn thương yêu cầu điều trị y tế hoặc ốm đau dẫn đến ốm yếu tàn tật (bao gồm vết rách, bong, bong gân, gãy nhỏ, viêm da, điếc, ...)</i>
Nặng	<i>Chết người, chấn thương trầm trọng hoặc bệnh nghề nghiệp có thể làm chết người (bao gồm cụt chân tay, gãy xương lớn, đa chấn thương, ung thư nghề nghiệp, nhiễm độc cấp tính và chết người)</i>

Hoặc chia thành 5 cấp độ như bảng sau đây:

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
A	Thảm khốc	Tử vong
B	Cao	Thương tật nghiêm trọng vĩnh viễn
C	Trung bình	Cần điều trị y tế, mất ngày công
D	Nhẹ	Điều trị y tế (có thể quay lại làm việc)
E	Không đáng kể	Điều trị sơ cứu (có thể quay lại làm việc)

c) Xác định khả năng xuất hiện của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mối nguy hiểm

TAT

Bên cạnh việc xác định hậu quả có thể xảy ra đối với mỗi mối nguy hiểm, cần thiết phải xác định khả năng xuất hiện (hay tần suất) của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mỗi nguy hiểm.

Ví dụ tại bảng sau, việc xác định khả năng xảy ra được chia làm 3 mức: ít, thỉnh thoảng, hay xảy ra.

Khả năng xảy ra	Mô tả
Hiếm khi	Ít có khả năng xuất hiện
Thỉnh thoảng	Có thể hoặc đã biết xuất hiện
Thường xuyên	Xuất hiện thông thường hoặc lặp lại

Hoặc có thể chia làm 5 cấp độ như bảng sau đây:

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
Gần như chắc chắn	Sẽ xảy ra ít nhất một lần trong năm	Khả năng thường xuyên xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc rất thường xuyên xảy ra trong hoạt động với số lượng lớn của các thành phần tương tự.
Có khả năng xảy ra	Một lần trong 5 năm	Khả năng xảy ra vài lần trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống trong hoạt động với số lớn của các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/500 người thực hiện công việc.
Có thể xảy ra	Một lần trong 10 năm	Khả năng đôi khi xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc được trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời với số lượng lớn các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/ 50 000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 người thực hiện công việc.
Ít khi xảy ra	Một lần trong 15 năm	Đôi khi có thể xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời của một số lớn các thành phần tương tự. Hoặc xảy ra với xác suất 1/100 000 lần

THH

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
		thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/10 000 người thực hiện công việc.
Hiếm khi xảy ra	Không trông đợi có thể xảy ra trong vòng đời của hoạt động	Không chắc có thể xảy ra trong vòng đời của một cá thể hoặc hệ thống mà nó chỉ có thể bằng cách giả định chứ không phải bằng trải nghiệm. Hiếm khi xảy ra trong đời của một số lớn thành phần tương tự.

d) *Đánh giá mức rủi ro dựa trên hậu quả và khả năng xảy ra. Lựa chọn ma trận rủi ro*

Sau khi xác định các biện pháp kiểm soát môi nguy hiểm có sẵn, khả năng xảy ra và hậu quả của mỗi nguy hiểm, việc đánh giá mức độ rủi ro được thực hiện bằng cách sử dụng ma trận rủi ro.

Mức rủi ro được phân loại thành thấp, trung bình và cao và tùy thuộc vào sự kết hợp giữa hậu quả và khả năng xảy ra.

Ví dụ về ma trận xác định mức rủi ro 3x3


Khả năng xảy ra \ Hậu quả	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
	Nặng	Trung bình	
Trung bình		Trung bình	
Nhẹ			Trung bình

Ví dụ ma trận xác định mức rủi ro 5x 5:

Ma trận đánh giá rủi ro được sử dụng để phân loại rủi ro trong đánh giá này được trình bày như trong hình dưới đây.

Handwritten signature

	E	D	C	B	A
Gần như chắc chắn (1)	15	10			
Có khả năng xảy ra (2)	19	14	9		
Có thể xảy ra (3)	22	18	13		
Ít khi xảy ra (4)	24	21	17	12	
Hiếm khi xảy ra (5)	25	23	20	16	11



- Vùng màu xanh (từ 21 đến 25) là vùng rủi ro thấp - chấp nhận rộng rãi. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào.

- Vùng màu xanh (từ 17 đến 20) là vùng rủi ro trung bình - chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào.

- Vùng màu vàng (từ 9 đến 16) là vùng rủi ro phải được giảm thiểu xuống mức thấp nhất phù hợp thực tế. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này cần cân nhắc giảm rủi ro tới một mức mà nếu áp dụng thêm các biện pháp giảm rủi ro thì sẽ không hiệu quả hoặc thiếu thực tế.

- Vùng màu đỏ (từ 1 đến 8) là vùng rủi ro cao - không chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này thì phải dừng hoạt động và áp dụng bổ sung các biện pháp để giảm thiểu rủi ro.

7. Giải pháp kiểm soát rủi ro

Các biện pháp kiểm soát rủi ro phải được bắt đầu với mục tiêu loại trừ hoàn toàn rủi ro. Nếu điều này không thể đạt được, thì quá trình giảm thiểu phải được thực hiện theo một thứ tự quy định nhằm giảm thiểu rủi ro tới mức độ thấp nhất có thể được trong thực tế (ALARP) hoặc mức độ có thể chấp nhận được. Các biện pháp kiểm soát được xem xét theo thứ tự ưu tiên bao gồm:

Handwritten signature

- a) Loại bỏ từ nguồn;
- b) Thay thế;
- c) Giảm thiểu rủi ro;
- d) Kiểm soát có quy trình và năng lực nhân viên;
- đ) Kiểm soát hành chính;
- e) Kế hoạch và năng lực ứng phó tình huống khẩn cấp, biện pháp kiểm soát khi có sự cố.

8. Kết luận và kiến nghị

TUAT

Phụ lục VI
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN NỔ MÌN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

I. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN

- Trích dẫn các Quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và thiết kế xây dựng, khai thác... làm căn cứ để lập phương án;
- Quy mô xây dựng hoặc khai thác; tiến độ hoặc năng suất khai thác ngày, tháng, quý, năm;
- Sơ lược về phương pháp xây dựng, khai thác; thiết bị, nhân công;
- Giải thích từ ngữ, các cụm từ viết tắt (nếu có).

II. ĐẶC ĐIỂM KHU VỰC NỔ MÌN

- Vị trí khu vực nổ mìn, cao độ, giới hạn toạ độ kèm theo bản đồ địa hình;
- Mô tả về đặc điểm dân cư, công trình, nhà không thuộc quyền sở hữu của tổ chức sử dụng VLNCN trong phạm vi bán kính 1000 m kể từ vị trí nổ mìn (kể cả các công trình ngầm);
- Đặc điểm đất đá khu vực nổ mìn (các đặc tính cơ lý σ_n , σ_k , f) hoặc điều kiện địa chất, môi trường khác (nước, bùn...);
- Hướng, trình tự khai thác, thay đổi về điều kiện địa chất, địa hình theo chu kỳ khai thác và ảnh hưởng có thể có đến công tác nổ mìn; ảnh hưởng đến các công trình, nhà dân xung quanh.

III. TÍNH TOÁN, LỰA CHỌN CÁC THÔNG SỐ KHOAN NỔ MÌN

- Lựa chọn đường kính lỗ khoan, chiều cao tầng H (nếu đào hầm lò thì lựa chọn chiều dài một bước đào), đường cản chân tầng;
- Lựa chọn chiều sâu lỗ khoan;
- Lựa chọn chỉ tiêu thuốc nổ tính toán;
- Lựa chọn phương pháp nổ mìn;
- Lựa chọn vật liệu nổ công nghiệp;
- Khối lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất;
- Xác định các thông số khoảng cách lỗ, góc nghiêng lỗ khoan;
- Xác định lượng thuốc nạp cho một lỗ khoan tương ứng với chiều sâu lỗ khoan bảo đảm điều kiện an toàn về bụi;
- Lựa chọn cấu trúc cột thuốc nổ trong lỗ khoan;
- Tính toán, lựa chọn thông số khoan nổ mìn, tạo biên (nếu có);
- Tính toán về an toàn (chấn động, sóng không khí và đá văng) xác định quy mô một lần nổ (kg);

TUT

- Lựa chọn khoảng cách an toàn cho người, thiết bị;
- Dự kiến số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng hàng tháng;
- Dự kiến số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng hàng quý;
- Dự kiến tổng số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng để thi công công trình.

IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN KHI NỔ MÌN

- Biện pháp an toàn khi bốc dỡ, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;
- Biện pháp an toàn khi nạp mìn;
- Biện pháp che chắn bảo vệ chống đá văng (nếu có);
- Quy định các tín hiệu cảnh báo an toàn và giờ nổ mìn;
- Quy định về canh gác mìn;
- Biện pháp kiểm tra sau nổ mìn và xử lý mìn câm;
- Các quy định bổ sung về biện pháp xử lý, ứng phó khi gặp sự cố về thời tiết, cản trở khác trong các khâu khoan, nạp...;
- Các hướng dẫn khác để tăng cường an ninh, an toàn (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Trình tự thực hiện, thủ tục kiểm soát các bước;
- Quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng nhóm trong các khâu khoan, nạp, nổ và xử lý sau khi nổ mìn;
- Các quy định về báo cáo, ghi chép các sự kiện bất thường nhưng chưa đến mức xảy ra sự cố trong đợt nổ mìn; các ghi chép về sự cố nếu có (các nội dung này ghi ở phần kết quả nổ mìn trong hộ chiếu);
- Các quy định kỷ luật nội bộ khi có vi phạm;
- Hiệu lực của Phương án và ngày sửa đổi, bổ sung;
- Tên người lập phương án, người duyệt; cơ quan phê duyệt (nếu có).

PHÊ DUYỆT

NGƯỜI LẬP PHƯƠNG ÁN

(Lãnh đạo phụ trách kỹ thuật)

(Chỉ huy nổ mìn hoặc chỉ huy công trường...)

Ghi chú:

Phương án nổ mìn các dạng đặc biệt khác (dưới nước, phá dỡ công trình, nổ trong giếng khoan dầu khí...) có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Phụ lục VII
MẪU HỘ CHIẾU NỔ MÌN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Mẫu 1. Mẫu hộ chiếu nổ mìn lộ thiên

Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Công trường, phân xưởng:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU NỔ MÌN LỘ THIÊN

Số :...../...../ 20....../ HCNM

Theo phương án nổ mìn số ngày.....tháng..... năm

I. ĐỊA ĐIỂM NỔ:

II. THỜI ĐIỂM NỔ: Nổ mìn vào hồi :h..... phút ngày.....tháng...năm 20....

III. LOẠI ĐÁT ĐÁ: Đất đá loại :

Độ cứng: $f =$

IV. THÔNG SỐ BÃI NỔ

Từ lỗ số đến lỗ số	H (mét)	D _{LK} (mm)	L _K (mét)	Khoảng cách (mét)			Tổng số lỗ	Chiều cao cột bua thiết kế L _{Bua} (mét)	Tổng số mét khoan của lỗ có đường kính (mét)
				a	b	W			
....									

- Chỉ tiêu thuốc nổ kỳ trước (q_{lt} ; kg/m³).....

- Chỉ tiêu thuốc nổ lựa chọn cho đợt nổ (q_{TT} ; kg/m³) với đường kính lỗ khoan:

V. VẬT LIỆU NỔ SỬ DỤNG

.....
.....
.....
.....

VI. PHÂN TÍNH TOÁN LƯỢNG VLNCN

STT	H(m)	L(m) Thực tế	Khoảng cách (m)			Thể tích lỗ V(m ³)	Chỉ tiêu q (kg/m ³)	Q _{kg}	VLNCN thực tế			Bua L _{Bua} (m)
			a	b	W				Thuốc nổ (kg)	Môi (quả)	Kíp (cái)	
1												
2												
...												

TRINH

Lưu ý: Những nhóm lỗ mìn đường kính < 65 mm và có các thông số D_k , H , a , b , W như nhau thì cho phép tính lượng thuốc nổ của một lỗ đại diện và các lỗ trong nhóm chỉ cần thể hiện ở cột TT (từ số ... đến số). Trường hợp khi tính toán nổ mìn ốp, phải thể hiện thể tích, số lượng hòn đá và lượng thuốc nổ, phụ kiện nổ cho từng hòn đá phải nổ ốp.

- Tổng lượng đá phá ra $V = \dots\dots\dots (m^3)$
- Tổng lượng thuốc nổ các loại $Q = \dots\dots\dots (kg)$
- Tính toán dòng điện qua kíp bảo đảm $I \geq 1,3A$ với dòng 1 chiều, $I \geq 2,5A$ với dòng xoay chiều.

.....

VII. SƠ ĐỒ KHỞI ĐỘNG BÃI NỔ (SƠ ĐỒ ĐẦU) VÀ MẶT CẮT LỖ MÌN

VIII. VẬT LIỆU NỔ THỪA TRẢ VỀ KHO

.....

Chỉ huy thi công nổ ký xác nhận VLNCN thừa:

IX. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN

- Tín hiệu bắt đầu nạp mìn.....
- Tín hiệu khởi nổ
- Tín hiệu báo yên.....

X. KHOẢNG CÁCH AN TOÀN

- Khoảng cách từ công trình hiện hữu gần nhất đến bãi nổ(mét)
- Khoảng cách từ thiết bị không thể di chuyển được đến bãi nổ(mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho người: $R(\text{Người}) \dots\dots\dots(\text{mét})$
- Chọn khoảng cách an toàn cho công trình và thiết bị : $R(\text{TB}) \dots\dots\dots(\text{mét})$

XI. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN

.....

XII. PHÂN CÔNG NHÂN SỰ THI CÔNG BÃI NỔ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Nạp từ lỗ số	L_b (m)	Ký nhận
1						
2						
....						
....						

XIII. SƠ ĐỒ BỐ TRÍ GÁC, NƠI ẮN NÁP, DI CHUYỂN MÁY (Phải bảo đảm người, thiết bị di chuyển khỏi bán kính nguy hiểm và cắt điện trước giờ nổ mìn 20 phút. Sơ đồ di chuyển

Handwritten signature

người, thiết bị máy móc phải thể hiện đầy đủ các khoảng cách từ bãi nổ đến các trạm gác, công trình nằm trong vùng nguy hiểm, các thiết bị phải di chuyển ra khỏi vùng bán kính nguy hiểm và vị trí điểm hỏa)

XIV. PHÂN CÔNG GÁC MÌN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Trạm gác số	Ký nhận
1					
2					
...					

XV. KẾT QUẢ NỔ MÌN: (Chỉ huy nổ mìn ghi lại kết quả sau khi kiểm tra bãi nổ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Vụ nổ kết thúc vào lúc ngày..... tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP HỘ
CHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ MÌN
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH AN
TOÀN BÃI NỔ
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ
DUYỆT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Khi lập Hộ chiếu nổ mìn lộ thiên có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực nổ mìn nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này

trai

Mẫu 2. Mẫu hộ chiếu nổ mìn hầm/lò

Đơn vị:.....
 Công trường, phân xưởng:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU NỔ MÌN HẦM /LÒ

Số:...../...../ 20.....

Theo phương án nổ mìn số ngày.....tháng..... năm

I. VỊ TRÍ NỔ:

II. ĐÁT ĐÁ LOẠI:

III. SƠ ĐỒ PHÂN BỐ LỖ KHOAN CỦA GƯƠNG NỔ, NẠP THUỐC VÀ ĐẦU NÓI

IV. VẬT LIỆU NỔ SỬ DỤNG (của một ca hoặc một kíp sản xuất)

.....

V. BẢNG LÝ LỊCH LỖ MÌN

Nhóm lỗ khoan	Số lỗ khoan (lỗ)	Chiều sâu lỗ khoan (m)	Độ nghiêng lỗ khoan		Lượng thuốc nạp một lỗ		Kíp nổ (cái/lỗ)	Tổng thuốc nổ trong nhóm lỗ khoan		Tổng kíp nổ trong nhóm lỗ khoan (cái)	Ghi chú
			Bằng (độ)	Cạnh (độ)	Thuốc nổ 1 (Kg)	Thuốc nổ 2 (Kg)		Thuốc nổ 1 (Kg)	Thuốc nổ 2 (Kg)		
Từ lỗ											
...											
....											

VI. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN

- Tín hiệu thi công mìn:.....
- Tín hiệu nổ mìn:
- Tín hiệu báo yên:.....

VII. PHÂN CÔNG GÁC MÌN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Trạm gác số	Ký nhận
1					
2					
...					
...					

tranh

VIII. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ NỔ MÌN, TRẠM GÁC MÌN, NƠI TRÁNH MÌN, VỊ TRÍ KHỞI NỔ**IX. VẬT LIỆU NỔ THỪA TRẢ VỀ KHO**

.....

.....

.....

.....

Chỉ huy nổ mìn ký xác nhận:.....

X. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN

.....

.....

.....

XI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NỔ MÌN

1. Đánh giá công tác thực hiện hộ chiếu khoan:.....

2. Đánh giá kết quả nổ mìn:

.....

.....

.....

NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU (Ký và ghi rõ họ tên)	CHỈ HUY NỔ MÌN (Ký và ghi rõ họ tên)	PHỤ TRÁCH AN TOÀN BÃI NỔ (Ký và ghi rõ họ tên)	PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ DUYỆT (Ký và ghi rõ họ tên)
--	---	--	--

Ghi chú:

- Khi lập Hộ chiếu nổ mìn hầm/lò có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại gương nổ nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

- Trường hợp nổ mìn trong hầm/lò tại khu vực có nguy cơ phát sinh khí nổ (CH₄) phải bổ sung nội dung công tác kiểm soát khí trước và sau khi nổ mìn (sau mục V)

CÔNG TÁC KIỂM SOÁT KHÍ TRƯỚC VÀ SAU KHI NỔ MÌN

Kết quả đo khí trong ca								
Hàm lượng khí (%)	Trước khi nổ mìn				Sau khi nổ mìn			
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4
CH ₄								
CO ₂								
CO								
Người đo ký tên								

+ Thay đổi cột ký xác nhận Mẫu 2 Phụ lục VII bằng:

NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU (Ký và ghi rõ họ tên)	CHỈ HUY NỔ MÌN (Ký và ghi rõ họ tên)	CÁN BỘ TRỰC CA DUYỆT (Ký và ghi rõ họ tên)	QUẢN ĐỐC (Ký xác nhận sau khi nổ mìn và ghi rõ họ tên)
--	---	--	--

T. O. A. K.

Mẫu 3. Mẫu hộ chiếu nổ mìn giếng khoan dầu khí

Đơn vị.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**HỘ CHIẾU NỔ MÌN GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ**

Số:

ngày tháng năm 20.....

Theo phương án nổ mìn số ngày.....tháng..... năm

I. VỊ TRÍ NỔ MÌN

- Giàn khoan, giếng:.....
- Phương thức sử dụng:.....
- Đơn vị chủ giếng:.....

II. THỜI GIAN NỔ MÌN:**III. BẢNG LÝ LỊCH LỖ MÌN**

Giếng khoan		Thiết bị/súng		Đạn, đầu nổ, dây dẫn nổ, hện giờ				Kíp, ngòi nổ, mồi			Ngày đầu nổ
Vị trí nổ theo độ sâu (m)	Chiều dài via, nếu có (m)	Model, Sêri	Số lượng	Mã số	Tên gọi	Số lượng (viên, cái, feet)	Ngày lắp ráp	Mã số	Tên gọi	Số lượng (cái)	
....											
....											

Người kiểm soát đầu nổ:.....

IV. VẬT LIỆU NỔ SỬ DỤNG

Loại VLNCN	Số lượng VLNCN tiêu thụ						Thừa trả về kho
	Lần 1	Lần ..	Lần ...	Lần ..	Lần ...	Lần ...	
Đạn							
Dây							
Mồi							
Hện giờ							
Kíp, ngòi,							
Phương tiện nổ khác							

V. SƠ ĐỒ NẠP MÌN (đạn, cấu kiện, kíp nổ...)**VI. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN***Handwritten signature*

.....

.....

.....

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THI CÔNG NỔ MÌN

1. Đánh giá công tác phối hợp thực hiện giàn/tàu khoan:

.....

.....

.....

2. Đánh giá kết quả nổ mìn:

.....

.....

.....

.....

**NGƯỜI LẬP HỘ
CHIẾU**
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ MÌN
(Ký và ghi rõ họ tên)

**PHỤ TRÁCH KỸ
THUẬT DUYỆT**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN GIÀN/TÀU
KHOAN**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Khi lập Hộ chiếu nổ mìn giếng khoan dầu khí có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế nổ mìn của giếng khoan nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.



Phụ lục VIII
NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG CỨU KHẨN CẤP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

1. Mục đích của Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

2. Phạm vi của Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

3. Phân loại các tình huống khẩn cấp

Phân loại và phương pháp phát hiện các tình huống khẩn cấp.

4. Các tình huống khẩn cấp

5. Sơ đồ tổ chức và nguồn lực ứng cứu

a) Sơ đồ tổ chức, phân cấp trách nhiệm, trách nhiệm của từng cá nhân, hệ thống báo cáo khi xảy ra sự cố, tai nạn hoặc xuất hiện các tình huống nguy hiểm;

b) Mô tả các nguồn lực bên trong và bên ngoài sẵn có hoặc sẽ huy động để ứng cứu hiệu quả các tình huống khẩn cấp.

6. Quy trình ứng cứu các tình huống cụ thể

a) Các hành động khi phát hiện tình huống khẩn cấp;

b) Xác định các tác động có thể gây nguy hiểm đối với người và phương tiện, thiết bị tại hiện trường và các vị trí, sơ đồ thoát hiểm; quyết định cần thiết khi phải sơ tán;

c) Quy trình ứng cứu sự cố các tình huống cụ thể: An ninh, an toàn, thiên tai.

7. Thông tin liên lạc, báo cáo

a) Sơ đồ thông tin liên lạc nội bộ và bên ngoài;

b) Liên lạc và báo cáo cơ quan có thẩm quyền; huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài của cơ sở;

b) Địa chỉ liên lạc và thông tin trong ứng cứu khẩn cấp với các bộ phận nội bộ và báo cáo các cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan.

8. Báo cáo

a) Quy trình báo cáo;

b) Biểu mẫu báo cáo.



9. Huấn luyện, diễn tập

a) Huấn luyện;

b) Diễn tập.

10. Công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả của sự cố.

11. Kế hoạch khắc phục hậu quả, khôi phục hoạt động của máy, thiết bị, công trình đã xảy ra sự cố.

TUH

Phụ lục IX
MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP,
TIỀN CHẤT THUỐC NỔ⁷⁹

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Mẫu 1: Báo cáo định kỳ của tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁸⁰

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình hoạt động⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾..... báo cáo tình hình hoạt động⁽³⁾..... từ đến như sau:

1. Tình hình hoạt động:

a) Chung loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu trong kỳ: ⁽⁵⁾

TT	Tháng	Thuốc nổ (Kg)			kíp nổ (cái)				Dây cháy chậm (m)	Dây nổ (m)	Dây dẫn nổ các loại (m)
		Thuốc nổ 1	Thuốc nổ (n)	Kíp nổ thứ 1	Kíp nổ thứ n			
1	...										
2	...										
....	...										
....	...										

⁷⁹ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁸⁰ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

TUT

	06 tháng									
	Cả năm									

b) Chủng loại, số lượng tiền chất thuốc nổ⁸¹ đã sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trong kỳ:

TT	Tháng	NH ₄ NO ₃ (Kg)	CH ₃ NO ₂ (Kg)	NaNO ₃ (Kg)	KNO ₃ (Kg)	NaClO ₃ (Kg)	KClO ₃ (Kg)	KClO ₄ (Kg)
1	...							
2	...							
....	...							
	06 tháng							
	Cả năm							

c) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁸² (số lượng kho, tổng công suất kho).

2. Tình hình kiểm soát chất lượng sản phẩm hàng hóa theo các d và các văn bản liên quan

- Kiểm soát quá trình sản xuất (nguyên liệu đầu vào, đầu ra):
- Hoạt động công bố hợp quy đối với các sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp:

- Tuân thủ quy định về ghi nhãn sản phẩm:
- Hoạt động thử nghiệm định kỳ do nhà máy/đơn vị sản xuất tự thực hiện:
 - + Số lượng, chủng loại sản phẩm:
 - + Thời điểm sản xuất:
 - + Số lượng thử nghiệm:
 - + Kết quả thử nghiệm:
 - + Đạt yêu cầu theo quy định tại Quy chuẩn:
 - + Không đạt yêu cầu:
- Hoạt động thử nghiệm tại phòng thí nghiệm được chỉ định:
 - + Thời điểm sản xuất, ca sản xuất (áp dụng đối với đơn vị sản xuất):
 - + Thời hạn đảm bảo:
 - + Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên sản phẩm	Khối lượng	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Kết quả	Đánh giá
1						

⁸¹ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁸² Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

2						
---	--	--	--	--	--	--

3. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁸³.

- a) Ban hành các nội quy, quy trình, quy định;
- b) Đánh giá rủi ro (nếu có);
- c) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (nếu có);
- d) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ;
- đ) Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

4. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁸⁴.

5. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁸⁵.

6. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁷⁾.....;
- Lưu:⁽⁸⁾.....,

.....⁽⁶⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1)- Tên tổ chức báo cáo tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁸⁶;
- (2)- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (3)- Loại hình hoạt động (Ví dụ: Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);
- (4)- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp);
- (5)- Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁸⁷;

⁸³ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁸⁴ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁸⁵ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁸⁶ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.



- (6)- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (7)- Tên các tổ chức có liên quan;
- (8)- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

⁸⁷ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.



Mẫu 2. Báo cáo định kỳ của tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁸⁸

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình hoạt động⁽³⁾.....

Kính gửi:

⁽⁴⁾.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾..... là tổ chức⁽⁵⁾..... do⁽⁶⁾..... báo cáo tình hình hoạt động⁽³⁾..... từ đến như sau:

1. Tình hình hoạt động:

a) Chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ: ⁽⁷⁾

TT	Tháng	Thuốc nổ (Kg)			kíp nổ (cái)				Dây cháy chậm (m)	Dây nổ (m)	Dây dẫn nổ các loại (m)
		Thuốc nổ 1	Thuốc nổ (n)	Kíp thứ 1	Kíp thứ n			
1	...										
2	...										
....	...										
....	...										
	06 tháng										
	Cả năm										

b) Chủng loại, số lượng tiền chất thuốc nổ⁸⁹ đã sử dụng trong kỳ:

TT	Tháng	NH ₄ NO ₃ (Kg)	CH ₃ NO ₂ (Kg)	NaNO ₃ (Kg)	KNO ₃ (Kg)	NaClO ₃ (Kg)	KClO ₃ (Kg)	KClO ₄ (Kg)
1	...							
2	...							

⁸⁸ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁸⁹ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Tua

....	...							
....	...							
	06 tháng							
	Cả năm							

c) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁹⁰ (số lượng kho, tổng công suất kho).

2. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁹¹.

a) Ban hành các nội quy, quy trình, quy định;

b) Đánh giá rủi ro (nếu có);

c) Phương án nổ mìn (nếu có);

d) Hộ chiếu nổ mìn (nếu có);

đ) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (nếu có);

e) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ;

g) Thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nếu có);

h) Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

3. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁹².

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁹³.

⁹⁰ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁹¹ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁹² Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁹³ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

5. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁹⁾.....;
- Lưu:⁽¹⁰⁾.....,

.....⁽⁸⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1)- Tên tổ chức báo cáo tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁹⁴;
- (2)- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (3)- Loại hình hoạt động (Ví dụ: Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp);
- (4)- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh);
- (5)- Loại hình hoạt động của tổ chức (Ví dụ: Khai thác khoáng sản; thi công công trình; sử dụng tiền chất thuốc nổ⁹⁵);
- (6)- Tên tổ chức cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp). Đối với trường hợp sử dụng tiền chất thuốc nổ⁹⁶ không phải thực hiện nội dung này;
- (7)- Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁹⁷;
- (8)- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (9)- Tên các tổ chức có liên quan;
- (10)- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

⁹⁴ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁹⁵ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁹⁶ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁹⁷ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.



Mẫu 3. Báo cáo định kỳ của Sở Công Thương.....⁽¹⁾.....**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..**BÁO CÁO****Về tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁹⁸**

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾..... báo cáo tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ⁹⁹ trên địa bàn tỉnh từ đến như sau:

1. Tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ¹⁰⁰ trên địa bàn tỉnh, thành phố:

a) Số lượng tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ¹⁰¹ (báo cáo chi tiết các đối tượng sử dụng tương ứng với loại hình hoạt động);
(3)

TT	Loại hình hoạt động của tổ chức	Số lượng tổ chức	Số lượng Giấy phép	Cơ quan cấp phép		
				Bộ Công Thương	Bộ Quốc phòng	Sở Công Thương
1	Tìm kiếm, thăm dò, khai					

⁹⁸ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

⁹⁹ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

¹⁰⁰ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

¹⁰¹ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.



	thác khoáng sản trên đất liền					
2	Thi công công trình					
3	Tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trên biển					
4	Nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm					
5	Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho mục đích khác					
6	Sử dụng tiền chất thuốc nổ ¹⁰²					

b) Chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ: ⁽⁴⁾

TT	Tháng	Thuốc nổ (Kg)			kíp nổ (cái)				Dây cháy chậm (m)	Dây nổ (m)	Dây dẫn nổ các loại (m)
		Thuốc nổ 1	Thuốc nổ (n)	Kíp thứ 1	Kíp thứ n			
1	...										
2	...										
....	...										
....	...										
	06 tháng										
	Cả năm										

c) Chủng loại, số lượng tiền chất thuốc nổ¹⁰³ đã sử dụng trong kỳ:

TT	Tháng	NH ₄ NO ₃ (Kg)	CH ₃ NO ₂ (Kg)	NaNO ₃ (Kg)	KNO ₃ (Kg)	NaClO ₃ (Kg)	KClO ₃ (Kg)	KClO ₄ (Kg)
1	...							

¹⁰² Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

¹⁰³ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Handwritten signature

2	...							
....	...							
....	...							
	06 tháng							
	Cả năm							

d) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp (số lượng kho, tổng công suất kho):

đ) Kho bảo quản tiền chất thuốc nổ¹⁰⁴ (số lượng kho, tổng công suất kho):

e) Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ¹⁰⁵:

2. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ¹⁰⁶:

3. Các vụ thất thoát, mất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ¹⁰⁷

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

- Loại hình hoạt động (sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp...):

- Số lượng mất:

- Nguyên nhân:

- Hình thức đã xử lý:

¹⁰⁴ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

¹⁰⁵ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

¹⁰⁶ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

¹⁰⁷ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ¹⁰⁸:

5. Các đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....,

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1)- Tên Sở Công Thương;
- (2)- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (3)- Chi tiết các đơn vị hoạt động vật liệu nổ công nghiệp với các loại hình(Ví dụ: Công ty A, khai thác đá);
- (4)- Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ¹⁰⁹;
- (5)- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (6)- Tên các tổ chức có liên quan;
- (7)- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

¹⁰⁸ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

¹⁰⁹ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Mẫu 4. Báo cáo đột xuất của tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ¹¹⁰

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾..... báo cáo tình hình⁽³⁾..... như sau:

1. Nội dung sự việc (trình bày diễn biến, hậu quả sự việc):
2. Nguyên nhân khách quan, chủ quan:
3. Các biện pháp khắc phục:

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....,

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1)- Tên tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ¹¹¹;
- (2)- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (3)- Tình huống đột xuất (Ví dụ: Thất thoát vật liệu nổ công nghiệp);
- (4)- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh);
- (5)- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (6)- Tên các tổ chức có liên quan;
- (7)- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

¹¹⁰ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

¹¹¹ Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Mẫu 5. Báo cáo đột xuất của Sở Công Thương.....⁽¹⁾.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20....**BÁO CÁO****Về tình hình**⁽³⁾.....Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾..... báo cáo tình hình⁽³⁾..... như sau:

1. Nội dung sự việc (trình bày diễn biến, hậu quả sự việc):
2. Nguyên nhân khách quan, chủ quan:
3. Các biện pháp khắc phục:

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....,

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)**Nguyễn Văn A****Chú thích:**

- (1)- Tên Sở Công Thương (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh);
- (2)- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (3)- Tình huống đột xuất (Ví dụ: Thất thoát vật liệu nổ công nghiệp);
- (4)- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: UBND tỉnh Quảng Ninh);
- (5)- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (6)- Tên các tổ chức có liên quan;
- (7)- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Phụ lục X
MẪU THÔNG BÁO SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP¹¹²
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO
Về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi:⁽²⁾.....

Thực hiện quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾..... thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp như sau:

1. Vị trí, phạm vi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:.....

2. Khoảng cách gần nhất từ vị trí nổ mìn đến công trình, khu dân cư lân cận:
3. Phương pháp nổ mìn:
-
4. Quy mô nổ mìn:
-
5. Giờ nổ mìn trong ngày (đối với nổ mìn lộ thiên):
-
6. Thời hạn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:
-
7. Các biện pháp an toàn khi nổ mìn:
-
8. Hồ sơ kèm theo:

¹¹² Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 31/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

T. 2021

- Bản sao Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc Giấy phép dịch vụ nổ mìn;

- Bản sao phương án nổ mìn;

- Bản sao Hợp đồng dịch vụ nổ mìn đối với các tổ chức có giấy phép dịch vụ nổ mìn;

- Danh sách người liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của các tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-⁽⁴⁾.....;

-⁽⁵⁾.....;

- Lưu:⁽⁶⁾.....,

.....⁽³⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1)- Tên tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- (2)- Tên Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- (3) - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (4) – Sở Công Thương nơi tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- (5) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (6) - Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

trai